

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ - ST

Ngày 16-8-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quý

2. Ông Quách Hà Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 16/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 137/2018/TLST- HNGĐ ngày 20/6/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

1 .*Nguyên đơn:* Anh Đỗ Thanh T; Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2.*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Anh T và chị H vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018, trong bản tự khai ngày 22/6/2018 anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/4/2005. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi cưới, vợ chồng chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên sau khi về chung sống thì cuộc sống không được hòa thuận, vợ chồng không hạnh phúc. Chính vì thế mà mới chỉ sau một năm chung sống, anh và chị H đã ly thân tính đến nay cũng đã 12 năm. Hiện tại, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không còn quan hệ tình

cảm với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị H.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/7/2005. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu luôn ở với anh. Nay ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2018 chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thanh T kết hôn tự nguyện, có ĐKKH tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/4/2005. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai người chưa hiểu kỹ về nhau nên sau khi về chung sống cuộc sống vợ chồng có nhiều trục trặc, gia đình không được hạnh phúc. Bản thân anh T đã có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Việc làm của anh T đã vi phạm chế độ hôn nhân và gia đình. Không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã rời khỏi nhà anh T từ năm 2006 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân cũng đã được 12 năm không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đồng ý ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/7/2005. Từ ngày vợ chồng sống ly thân cháu Q ở với anh T. Nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Bản thân anh T hiện đã chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con để chị có thể nương tựa khi về già.

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị H không có mặt. Do đó, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2].Tòa án đã triệu tập họp lệ chị H đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3].Tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị H vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt anh T và chị H.

HĐXX nhận thấy:

[4]. Về hôn nhân: Anh Đỗ Thanh T và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện có ĐKKH tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/4/2005 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên sau khi về chung sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều trục trặc, gia đình không được hạnh phúc. Chính vì vậy năm 2006 cho đến nay, anh T và chị H đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Việc này, cả anh T và chị H đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã T cũng như xã T xác nhận. Nay anh Tuấn xin ly hôn, chị H cũng đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T được ly hôn chị H.

[5]. Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/7/2005. Ly hôn, cả anh T và chị H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ ngày anh T và chị H sống ly thân thì cháu Q vẫn ở với anh T. Bản thân cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với bố, để cuộc sống của cháu Q không bị xáo trộn, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[6]. Về tài sản: Anh T và chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/7/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Thanh T chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2016/0003351 ngày 20/6/2018. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh T và chị H. Anh T và chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Cúc